

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2018/HS-PT

Ngày: 23 – 01 – 2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Bình.

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 388/2017/HS-PT ngày 03/11/2017 đối với bị cáo Vũ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 93/2017/HSST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo: Vũ Văn T, sinh năm 1959; tại: Tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/10; con ông Vũ Văn D (đã chết) và bà Lê Thị T; bị cáo có vợ là Lê Thị Th và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1985 và con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk nhưng không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1982, Vũ Văn T đi bộ đội và huấn luyện 3 tháng tại tiểu đoàn 12, sư đoàn 442 đóng quân tại huyện N, tỉnh T. Sau đó, được biên chế về đại đội 2, tiểu đoàn 20, trung đoàn 415, mặt trận 479 thuộc binh đoàn thiết giáp đóng quân tại Campuchia. Năm 1986, T ra quân về nước.

Vào năm 2009, Vũ Văn T có gặp và quen biết với một người tên H (không rõ nhân thân, lai lịch). H hỏi T có đi bộ đội và bị thương tích không thì T trả lời có đi bộ đội nhưng không bị thương tích gì, quyết định phục viên đã bị mất. Nghe vậy H nói sẽ làm giả Quyết định phục viên và Giấy chứng nhận bị thương cho T với giá 12.000.000 đồng để làm hồ sơ thương binh thì T đồng ý. Khoảng một tuần sau H đưa cho T 01 Quyết định phục viên và 01 Giấy chứng nhận bị thương giả kèm theo 01 bộ hồ sơ thương binh đã ghi sẵn để T dựa vào đó thiết lập hồ sơ thương binh. Sau khi H thiện hồ sơ, T nộp cho Ban chỉ huy quân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk, sau đó T gặp và đưa cho H 4.000.000 đồng tiền làm hồ sơ. Đến tháng 4/2013, Vũ Văn T được Hội đồng giám định Y khoa Quân khu 5 xác định tỷ lệ thương tật là 31% vĩnh viễn. Sau khi giám định xong H đến nhà T trao đổi về việc làm hồ sơ thương binh của T gặp nhiều khó khăn nên tăng giá lên 24.000.000 đồng thì T đồng ý và T đưa trước cho H 12.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nhận được tiền trợ cấp T sẽ đưa đủ cho H. Tháng 12/2013, sau khi nhận được tiền trợ cấp từ hồ sơ thương binh T tiếp tục gặp và đưa cho H 8.000.000 đồng. Từ tháng 5/2013 đến tháng 2/2015, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện E đã chi trả cho Vũ Văn T với tổng số tiền là: 41.628.000 đồng.

Tại công văn số 363/LĐ-PCT ngày 12/4/2017 của Lữ đoàn 26, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, xác định: Từ năm 1985 đến 1987, lãnh đạo chỉ huy Trung đoàn tăng thiết giáp 415, mặt trận 479 chỉ có đồng chí Phạm Th, chức vụ: Trung đoàn phó chính trị, trong khi người ký tên, cấp giấy chứng nhận bị thương cho Vũ Văn T trong hồ sơ thương binh là Đào Văn C, cấp bậc Thiếu tá, chức vụ Trung đoàn phó chính trị. Lãnh đạo chỉ huy Trung đoàn tăng thiết giáp 415, mặt trận 479 chỉ có đồng chí Nguyễn Công M, chức vụ: Trung đoàn trưởng, trong khi người ký tên, cấp Quyết định phục viên cho Vũ Văn T trong hồ sơ thương binh là Hoàng Văn L, cấp bậc Trung tá, chức vụ Trung đoàn trưởng. Do đó, giấy chứng nhận bị thương và Quyết định phục viên của Vũ Văn T dùng để thiết lập hồ sơ thương binh là giấy tờ giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2017, bị cáo Vũ Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo là đúng như cáo trạng và bản án cấp sơ thẩm đã nêu.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự là H toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã giao nộp số tiền 28.628.000đ và cung cấp tài liệu thể hiện bố bị cáo là thương binh, anh trai bị cáo là liệt sỹ. Tuy nhiên, mức hình phạt 09 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với mức độ của hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Đồng thời áp dụng các điều luật tương ứng quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận vì mục đích tư lợi cá nhân, Vũ Văn T đã có hành vi gian dối nhờ một người đàn ông tên H (không rõ lai lịch) làm hồ sơ thương binh giả để được hưởng trợ cấp của Nhà nước. Trong thời gian từ tháng 5/2013 đến tháng 02/2015, Vũ Văn T được Phòng Lao động – Thương binh xã hội huyện E chi trả các khoản trợ cấp với tổng số tiền là 41.628.000đ. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Vũ Văn T, HĐXX xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức, bị cáo phải biết được tài sản Nhà nước được pháp luật bảo vệ, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến chính sách đất đai của Đảng và Nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự quy định: “Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Bị cáo chiếm đoạt tài sản của Nhà nước với số tiền 41.628.000đ, nên mức hình phạt 09 tháng tù mà tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là có phần nhẹ, đã xem xét đến nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu thể hiện, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã giao nộp đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt ; bị cáo có bố đẻ là thương binh, anh ruột là liệt sỹ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.

[3] Về điều luật áp dụng : Theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội, tất cả các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với người thực hiện hành vi phạm tội từ 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018; Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới... và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử.... Do đó, vẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, và áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[4] Về án phí : Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2017/HS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- Công an huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Hương